

## **0.a. Goal**

Mục tiêu 9: Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới

## **0.b. Target**

Mục tiêu 9.2: Đến năm 2030, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững; nâng cấp kết cấu hạ tầng và các ngành công nghiệp hỗ trợ hướng tới sự bền vững, tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực và áp dụng công nghệ, quy trình sản xuất sạch và thân thiện với môi trường; tăng đáng kể tỷ lệ việc làm và tổng sản phẩm quốc nội của ngành công nghiệp (mục tiêu 9.2 và mục tiêu 9.4 toàn cầu)

## **0.c. Indicator**

Chỉ tiêu 9.2.2. Giá trị tăng thêm bình quân đầu người của công nghiệp chế biến, chế tạo theo sức mua tương đương

## **0.d. Series**

Manufacturing value added per capita [9.2.1] NV\_IND\_MANFPC

## **0.e. Metadata update**

tháng 6/2021

## **1.a. Organisation**

Tổng cục Thống kê

## **1.f. Contact mail**

54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

## **1.g. Contact email**

banbientap@gso.gov.vn

## **2.a. Definition and concepts**

Giá trị tăng thêm bình quân đầu người của công nghiệp chế biến, chế tạo theo sức mua tương đương (PPP) được tính bằng tỷ lệ giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong năm theo sức mua tương đương chia cho dân số bình quân trong năm tương ứng.

## **2.b. Unit of measure**

Việt Nam đồng (VND)

## **2.c. Classifications**

Không áp dụng

## **3.a. Data sources**

- Điều tra doanh nghiệp;
- Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể.

## **3.b. Data collection method**

Chỉ tiêu được lồng ghép thu thập qua 2 cuộc điều tra do Tổng cục Thống kê thực hiện. Đây là những cuộc điều tra thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia, cụ thể:

### **\* Điều tra doanh nghiệp**

- Đối tượng, đơn vị điều tra: Các Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp/HTX hạch toán kinh tế độc lập được thành lập, chịu sự điều tiết bởi Luật Doanh nghiệp, Luật HTX; các đơn vị cơ sở trực thuộc doanh nghiệp đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Loại điều tra: Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu

- Nội dung điều tra:

+ Số lượng doanh nghiệp; số lao động, nguồn vốn, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, vốn đầu tư; tài chính, tín dụng;

+ Tài sản và các thông tin chuyên ngành kinh tế;

- Thời kỳ, thời điểm điều tra: Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 3.

### **\* Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể**

- Đối tượng, đơn vị điều tra: Các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hoạt động trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân (trừ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản).

- Loại điều tra: Điều tra toàn bộ kết hợp chọn mẫu

- Nội dung điều tra:

+ Số cơ sở và lao động của cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể;

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: tài sản, nguồn vốn, doanh thu, nộp ngân sách;

+ Thông tin chuyên ngành;

- Thời kỳ, thời điểm điều tra: Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 10.

### **3.d. Data release calendar**

Năm.

### **3.e. Data providers**

Tổng cục Thống kê

### **3.f. Data compilers**

Tổng cục Thống kê

## **4.a. Rationale**

Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là chỉ tiêu cơ bản phản ánh mức độ công nghiệp hóa của một quốc gia. Một trong những chỉ tiêu thống kê sử dụng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là giá trị tăng thêm bình quân đầu người của công nghiệp chế biến, chế tạo theo sức mua tương đương

## **4.c. Method of computation**

Method of computation

Công thức tính:

$$VA_{cbctbq} = \frac{VA_{cbcttd}}{P} \times 100$$

Trong đó:

$VA_{cbctbq}$  : Giá trị tăng thêm bình quân đầu người của công nghiệp chế biến theo sức mua tương đương;

$VA_{cbcttd}$  : Giá trị tăng thêm ngành chế biến, chế tạo theo sức mua tương đương.

$$VA_{cbcttd} = VA_{cbcthh} \times T_{td}$$

$P$  : Dân số bình quân trong năm;

$VA_{cbcthh}$  : Giá trị tăng thêm ngành chế biến, chế tạo tính theo giá hiện hành;

$T_{td}$  : Tỷ giá sức mua tương đương của Việt Nam so với tỷ giá bình quân toàn cầu.

## **5. Data availability and disaggregation**

Số liệu có sẵn hàng năm từ 2010-2019

Chưa công bố số liệu đầy đủ theo các phân tổ loại hình kinh tế.

(Nguồn công bố: Báo cáo quốc gia năm 2020 tiến độ 5 năm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Số liệu từ Tổng cục Thống kê)

## ***6. Comparability/deviation from international standards***

Chỉ tiêu này phản ánh 1 phần chỉ tiêu SDG toàn cầu 9.2.1: Manufacturing value added as a proportion of GDP and per capita.

Phương pháp tính toán của chỉ tiêu Việt Nam phù hợp với chỉ tiêu toàn cầu. Tuy nhiên chưa bảo đảm so sánh quốc tế do đơn vị tính của mỗi quốc gia khác nhau. Do đó mỗi quốc gia cần tính toán theo cả đồng nội tệ và Đô la Mỹ để bảo đảm so sánh quốc tế.

## ***7. References and Documentation***

- Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ
- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;
- Báo cáo quốc gia năm 2020 tiến độ 5 năm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững
- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>